

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 9 năm 2020

(V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn)

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Quang Đại.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Út;
2. Bà Phạm Thị Dung.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Quốc Vương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Hoàng Thị Trinh - Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2020/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2020/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị C - Sinh năm 1993;
Trú tại: Bản B, xã H, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – Có mặt;
2. Bị đơn: Anh Trương Đình Đ - Sinh năm - 1995;
Trú tại: Bản B, xã H, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của chị Đặng Thị C có nội dung như sau:

Chị Đặng Thị C và anh Trương Đình Đ, Đ ký kết hôn vào ngày 22 tháng 3 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, sau khi Đ ký kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, chị và anh Đ chưa tìm hiểu kỹ dẫn đến khi về chung sống không hợp nhau, chị hai người thường xuyên cãi nhau về việc làm ăn kinh tế, về cách nuôi dạy con chung. Sự việc đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng anh chị vẫn không hòa thuận được. Không thể tiếp tục chung sống năm 2019 chị C và anh Đ đã ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định không thể kéo dài tình trạng hôn nhân, chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đ.

Về con chung anh chị có 01 con chung. Cháu Trương Minh T, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2017. Sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Trương Đình Đ đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh Đ không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ và tiến hành các hoạt động theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định, bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị C được ly hôn anh Trương Đình Đ.

Về con chung: Giao các cháu Trương Minh T, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2017 cho chị Đặng Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Trương Đình Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Chị Đặng Thị C kiện yêu cầu ly hôn anh Trương Đình Đ, anh Đ, cư trú tại huyện Bảo Yên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên được quy định tại các Điều 28; 35 và 39 bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị C và anh Đ đã Đ ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Bảo Yên. Vì vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị C và anh Đ không hợp nhau dẫn đến anh chị không có tiếng nói chung, không đồng thuận về làm ăn kinh tế, về cách nuôi dạy con chung. Từ năm 2019 chị C và anh Đ đã ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa chị C và anh Đ không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là phù hợp.

Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị C đã cung cấp được bản sao bảng lương mỗi tháng chị C thu nhập 7.018.000 đồng/01 tháng. Anh Đ thường xuyên không có mặt tại địa phương. Cần giao cáo Trương Minh T, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2017 cho chị Đặng Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Trương Đình Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung anh chị không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí nguyên đơn sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử chị Đặng Thị C được ly hôn anh Trương Đình Đ.

2. Về con chung:

Giao cáo Trương Minh T, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2017 cho chị Đặng Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Trương Đình Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trương Đình Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị anh chị Đặng Thị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0001822 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện(2);
- Chi cục THADS huyện (2);
- UBND xã H;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ (2);
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Đại